

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **181/2017/DS-PT**

Ngày: 20/12/2017

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thu Hương

***Các Thẩm Phán:*** Bà Vũ Thị Thu

Bà Phạm Thị Xuân Đào

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Ngọc - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:***  
Bà Đỗ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2017/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 89/2014/DS-ST ngày 21/8/2014 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2017/QĐ-PT ngày 21/11/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 439/2017/QĐ-PT ngày 11/12/2017 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị B1**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số B, khu phố M, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Số S, khu phố M, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C:

Anh Trần Đức H, sinh năm 1988 (theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2014).

Địa chỉ thường trú: B, đường T, phường M, thành phố VT.

Địa chỉ liên lạc: S, khu phố M, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Trần Thị Thu B2**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số C, khu phố M, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại khu DD3-K662, Trại giam Thủ Đức, Huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo án sơ thẩm:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối chất và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị B1 trình bày:***

Vào ngày 15/7/1997, bà Nguyễn Thị C có vay của bà 10 lượng vàng 24k 9T5, hai bên có lập giấy biên nhận, thời hạn vay là 03 năm, không thỏa thuận lãi suất. Bà C có thể chấp cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà do bà Nguyễn Thị N đứng tên và 01 bản di chúc có nội dung bà N cho bà C được thừa kế căn nhà nêu trên. Sau đó, bà đã giao đủ 10 lượng vàng cho bà C.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà Trần Thị Thu B2 (con bà C) có đứng ra nhận nghĩa vụ thanh toán nợ thay cho bà C và bà cũng đồng ý. Tuy nhiên, kể khi đứng ra nhận nghĩa vụ thì bà Thu B2 không thanh toán được cho bà khoản nợ nào trong tổng số nợ gốc nêu trên và kéo dài cho đến ngày 10/7/2012 thì bà Thu B2 lại viết cho bà một giấy biên nhận với số nợ tổng cộng là 13 lượng vàng 24k 9T5 ( thêm 03 lượng vàng lãi suất).

Nay do bà Thu B2 đang phải chấp hành hình án phạt 20 năm tù nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà C phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà 10 lượng vàng 24k 9T5, còn bà Thu B2 chỉ là người đứng ra nhận nghĩa vụ thanh toán thay cho bà C. Bà không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ nêu trên.

Đối với các giấy tờ mà bà C đã thế chấp cho bà thì bà sẽ hoàn trả cho bà C sau khi bà C đã thanh toán hết số nợ nêu trên cho bà. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

***Tại bản tự khai, biên bản đối chất và biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Đức H trình bày:***

Vào ngày 15/7/1997 bà Trần Thị Thu B2 (con gái bà C) có đưa cho bà C một tờ giấy có soạn sẵn nội dung, nhờ bà C ký tên để làm giấy tờ. Do không biết chữ và cũng do tin tưởng bà Thu B2 nên bà C đã ký tên vào tờ giấy nêu trên mặc dù không biết nội dung của nó. Sau khi bà Lê Thị B1 khởi kiện lên Tòa án thì bà C mới biết được việc vay mượn vàng và việc thế chấp giấy tờ nhà giữa bà Thu B2 và bà Bông.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bông thì bà C hoàn toàn không đồng ý vì bà C không có vay vàng của bà Bông.

Đối với các giấy tờ mà bà Thu B2 đã thế chấp cho bà Bông thì bà C cũng không có yêu cầu gì.

***Tại bản tự khai, biên bản đối chất và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thu B2 trình bày:***

Vào ngày 15/7/1997 thì bà có vay của bà Lê Thị B1 10 lượng vàng 24k 9T5 để sử dụng vào việc riêng. Khi đó bà Bông yêu cầu bà phải thế chấp tài sản thì mới cho vay nên bà phải mượn của bà Nguyễn Thị C (mẹ của bà) 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà do bà Nguyễn Thị N đứng tên và 01 bản di chúc của bà N có nội dung bà N cho bà C được thừa kế căn nhà nêu trên để thế chấp cho bà Bông. Sau đó thì bà Bông lại yêu cầu bà C phải trực tiếp ký vào giấy biên nhận nên bà lại phải đưa giấy biên nhận cho bà C ký vào mặc dù bà C không biết nội dung giấy biên nhận nêu trên là gì.

Do đó, bà khẳng định thực tế người vay vàng và nhận vàng của bà Bông là bà chứ không phải là bà C. Bà sẽ có nghĩa vụ thanh toán lại số vàng còn nợ lại cho bà Bông theo như giấy biên nhận vào ngày 10/7/2012.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 89/2014/DS-ST ngày 21/8/2014 quyết định:***

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 256, 471, 474 Bộ luật dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B1.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị B1 10 lượng vàng 24k 9T5.

Bà Lê Thị B1 có nghĩa vụ hoàn trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 16801/CN-SH ngày 16/7/1990 do bà Nguyễn Thị N đứng tên và 01 bản di chúc ngày 27/3/1997 của bà Nguyễn Thị N cho bà Nguyễn Thị C sau khi bà C đã thanh toán hết số vàng nêu trên cho bà Bông.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà C phải nộp số tiền 16.881.000đ (mười sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng). Hoàn trả cho bà Bông 5.160.000đ (năm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (tại biên lai thu tiền số 4387 ngày 06/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự trong thời hạn luật định.

Theo đơn kháng cáo ngày 04/9/2014, bị đơn bà Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 89/2014/DS-ST ngày 21/8/2014 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm do xuất hiện tình tiết mới phía bà C đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà Bông cho ông Trần Chu là con bà C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị C xét thấy:

Bà Bông xác định vào ngày 15/7/1997, bà Nguyễn Thị C có vay của bà 10 lượng vàng 24k 9T5, hai bên có lập giấy biên nhận, thời hạn vay là 03 năm, không thỏa thuận lãi suất, bà Trần Thị Thu B2 ký tên với tư cách người làm chứng. Bà C có thể chấp cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà do bà Nguyễn Thị N đứng tên và 01 bản di chúc có nội dung bà N cho bà C được thừa kế căn nhà nêu trên.

Ngày 17/12/2017 bà Bông đến Tòa án trình bày và cung cấp cho Tòa án công văn số 2261/CNB-ĐKTK của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết đơn xin ngăn chặn của bà Bông, trong đó nêu rõ hiện bà C đã tặng cho quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 4701201757 ngày 02/6/2003 cho anh Trần Chu là con ruột bà C. Giấy chứng nhận này bà C đã thế chấp cho bà Bông theo biên nhận giấy thế chấp nhà ngày 15/7/1997. Do vậy, cần phải đưa anh Trần Chu vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Do tình tiết này xuất hiện sau khi cấp sơ thẩm xét xử nên cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do có tình tiết mới.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C không phải chịu. Hoàn trả 200.000đ tiền tạm ứng án phí cho bà C theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 4925 ngày 04/9/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 89/2014/DS-ST ngày 21/8/2014 của Tòa án nhân dân thành phố B. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C không phải chịu. Hoàn trả 200.000đ tiền tạm ứng án phí cho bà C theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 4925 ngày 04/9/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B..

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Thu Hương**